

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 38
8. Phụ lục 01	39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 531/GP-UB ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104323 (số cũ 059565), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : 0780.3.877.146
- Fax : 0780.3.877.247

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng thủy sản; nhập khẩu tôm nguyên liệu, tôm đông lạnh và các mặt hàng thủy sản khác để sản xuất xuất khẩu; kinh doanh phế phẩm, phế liệu và vật tư thủy sản; sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; kinh doanh vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng; nhập khẩu vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; kinh doanh hàng tiêu dùng, vải sợi, hàng mỹ phẩm và đồ gia dụng; nhập khẩu cây, con giống, nguyên vật liệu, các loại chế phẩm sinh học, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), các loại thức ăn phục vụ cho nuôi trồng, chế biến thủy sản; kinh doanh máy điều hòa nhiệt độ, máy đông lạnh, hàng điện tử và điện gia dụng; kinh doanh xe và phụ tùng xe chuyên dùng, ô tô, xe máy các loại.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Bà Đỗ Thị Việt Hoa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013
2. Ông Nguyễn Hoài Thanh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
3. Ông Lâm Ngọc Kiệt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
4. Ông Trần Thiện Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
5. Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
6. Ông Ngô Minh Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
7. Ông Thái Bá Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Ông Trần Hữu Hoàng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013
2. Bà Nguyễn Diệu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013
3. Ông Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2013

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Ông Ngô Minh Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2013
2. Ông Phạm Học Duyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 1997

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Ông Nguyễn Bá Dân Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2002
4. Ông Nguyễn Phương Đông Phó Tổng Giám đốc Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2002
Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Minh Hiền – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ngô Minh Hiền
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 062CT/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.816.056.400	120.256.624.626
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.579.954.564	13.218.180.727
1. Tiền	111		20.579.954.564	13.218.180.727
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.621.541.028	28.281.986.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	47.559.596.518	26.678.636.792
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.467.457.700	1.207.539.950
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	801.530.810	555.184.588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(207.044.000)	(159.375.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		84.590.518.738	77.541.765.981
1. Hàng tồn kho	141	V.6	84.590.518.738	83.954.350.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	-	(6.412.584.775)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.024.042.070	1.214.691.588
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	356.036.218	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.668.005.852	576.722.495
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	637.969.093
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.216.324.095	26.359.141.095
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.820.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	17.820.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.228.415.061	25.034.358.211
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.653.011.223	20.884.024.884
- Nguyên giá	222		104.538.849.916	105.844.170.410
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.885.838.693)	(84.960.145.526)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.575.403.838	4.150.333.327
- Nguyên giá	228		6.506.339.534	4.898.361.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(930.935.696)	(748.028.594)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.091.547.035	975.310.294
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.091.547.035	975.310.294
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		878.541.999	349.472.590
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	878.541.999	349.472.590
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.032.380.495	146.615.765.721

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		121.565.763.185	64.442.747.105
I. Nợ ngắn hạn	310		121.565.763.185	64.442.747.105
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.828.326.966	4.070.036.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	558.703.485	472.652.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	355.053.463	83.574.916
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.170.038.191	7.135.379.557
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	353.684.766	919.516.974
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4.359.177.667	4.432.566.298
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	98.383.220.000	47.184.352.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.557.558.647	144.668.753
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN


Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.466.617.310	82.173.018.616
I. Vốn chủ sở hữu	410		73.466.617.310	82.173.018.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19a	442.257.000	442.257.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19a	(49.000.000)	(49.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	14.050.788.872	11.350.264.284
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	9.022.571.438	20.429.497.332
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.277.023.349	20.429.497.332
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.745.548.089	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.032.380.495	146.615.765.721


 Lê Thành Đạt
 Người lập


 Nguyễn Phước An
 Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 09 tháng 02 năm 2017

 Ngô Minh Hiền
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	877.628.490.970	690.227.314.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		877.628.490.970	690.227.314.199
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	842.029.587.071	628.062.338.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.598.903.899	62.164.975.664
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.178.394.793	3.746.621.138
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.271.435.477	8.555.016.689
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.841.444.448	3.021.236.700
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	25.615.757.018	23.853.333.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.663.684.857	15.811.549.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.226.421.340	17.691.696.710
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.963.628.626	488.318.426
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.133.571.789	142.593.579
13. Lợi nhuận khác	40		830.056.837	345.724.847
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.056.478.177	18.037.421.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	310.930.088	65.738.057
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	(31.813.751)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.745.548.089</u>	<u>18.003.497.251</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>484</u>	<u>3.112</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>484</u>	<u>3.112</u>



Lê Thành Đạt
Người lập



Nguyễn Phước An
Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Ngô Minh Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.056.478.177	18.037.421.557
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	4.234.156.651	4.314.299.594
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.6	(6.364.915.775)	(11.516.092.441)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	843.490.192	356.567.471
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(212.548.249)	(27.272.727)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.841.444.448	3.021.236.700
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.398.105.444	14.186.160.154
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.440.278.776)	6.157.176.866
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(636.167.982)	32.895.103.623
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.785.779.997	883.715.700
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(885.105.627)	4.310.643.953
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4, V.15	(2.793.466.664)	(3.056.362.228)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(2.176.366.488)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.13	455.144.034	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.053.758.046)	(2.347.114.282)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.169.747.620)	50.852.957.298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10	(7.117.568.903)	(2.143.779.224)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		791.545.455	27.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.326.023.448)	(2.116.506.497)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN


Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	651.998.566.965	419.441.187.400
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(601.684.941.965)	(457.122.604.300)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19d	(8.460.096.000)	(6.784.437.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.853.529.000	(44.465.853.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.357.757.932	4.270.596.901
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.218.180.727	8.945.995.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.015.905	1.587.897
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	20.579.954.564	13.218.180.727


 Lê Thành Đạt
 Người lập


 Nguyễn Phước An
 Kế toán trưởng


 Ngô Minh Hiền
 Tổng Giám đốc



Cà Mau, ngày 09 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng thủy sản; nhập khẩu tôm nguyên liệu, tôm đông lạnh và các mặt hàng thủy sản khác để sản xuất xuất khẩu; kinh doanh phế phẩm, phế liệu và vật tư thủy sản; sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai; kinh doanh vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng; nhập khẩu vật tư, máy móc, phương tiện, thiết bị, hàng hóa phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng; kinh doanh hàng tiêu dùng, vải sợi, hàng mỹ phẩm và đồ gia dụng; nhập khẩu cây, con giống, nguyên vật liệu, các loại chế phẩm sinh học, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), các loại thức ăn phục vụ cho nuôi trồng, chế biến thủy sản; kinh doanh máy điều hòa nhiệt độ, máy đông lạnh, hàng điện tử và điện gia dụng; kinh doanh xe và phụ tùng xe chuyên dùng, ô tô, xe máy các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 339 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 370 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 08 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	211.008.024	165.567.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.368.946.540	13.052.613.577
Cộng	<u>20.579.954.564</u>	<u>13.218.180.727</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	4.627.022.400
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	4.627.022.400
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	47.559.596.518	22.051.614.392
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chính Duyệt	-	2.288.382.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	-	2.638.251.000
Công ty TNHH Den Ti	-	2.515.520.000
Binca Seafoods	11.254.018.183	7.672.517.950
Marubeni	-	6.124.107.760
Bischofberger AG	4.740.143.485	-
Dksh(Siber Hegner)	6.512.912.945	-
G. Bianchi AG	6.967.962.540	-
Loung Sing Fung	4.125.604.606	-
Maruha Corporation Jpn	3.262.360.101	-
Matsuda	4.147.304.700	-
Các khách hàng khác	6.549.289.958	812.835.682
Cộng	<u>47.559.596.518</u>	<u>26.678.636.792</u>

Toàn bộ công nợ phải thu cuối năm có tổng giá trị ghi sổ là 47.559.596.518 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Seatecco	6.352.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	3.387.500.000	-
Nguyễn Thu Hà	-	400.000.000
Nguyễn Xuân Quế	-	400.000.000
Các nhà cung cấp khác	727.457.700	407.539.950
Cộng	<u>10.467.457.700</u>	<u>1.207.539.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Bảo hiểm xã hội	225.967.468	-	266.169.888	-
Bảo hiểm y tế	18.878.531	-	13.746.860	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.585.687	-	9.164.573	-
Tạm ứng	69.250.000	-	38.062.650	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	15.567.416	-	17.820.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	459.281.708	(117.669.000)	210.220.617	(70.000.000)
Cộng	801.530.810	(117.669.000)	555.184.588	(70.000.000)

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>				
Các khoản ký cược, ký quỹ	17.820.000	-	-	-
Cộng	17.820.000	-	-	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Trần Hoàng Chen	Trên 3 năm	159.375.000	-	Trên 3 năm	159.375.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	47.669.000	-		-	-
Cộng		207.044.000	-		159.375.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	159.375.000	1.169.374.749
Trích lập dự phòng bổ sung	47.669.000	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(32.608.000)
Xóa nợ	-	(977.391.749)
Số cuối năm	207.044.000	159.375.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	780.171.709	-	444.426.572	-
Công cụ, dụng cụ	2.148.722.868	-	2.262.694.336	-
Chi phí sản xuất, kinh	37.805.000	-	63.855.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
doanh dờ đang				
Thành phẩm	81.623.819.161	-	79.963.435.587	(6.412.584.775)
Hàng gửi đi bán	-	-	1.219.939.261	-
Cộng	84.590.518.738	-	83.954.350.756	(6.412.584.775)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.412.584.775	16.918.677.467
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.412.584.775)	(10.506.092.692)
Số cuối năm	-	6.412.584.775

7. Chi phí trả trước**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	179.786.220	-
Chi phí sửa chữa	176.249.998	-
Cộng	356.036.218	-

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	267.736.651	349.472.590
Công cụ dụng cụ	610.805.348	-
Cộng	878.541.999	349.472.590

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.889.702.912	59.307.414.099	8.240.059.506	406.993.893	105.844.170.410
Mua sắm mới	165.899.777	471.000.000	-	-	636.899.777
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.938.274.318	-	818.180.454	-	4.756.454.772
Thanh lý	(1.197.211.961)	(3.118.090.170)	(2.383.372.912)	-	(6.698.675.043)
Số cuối năm	40.796.665.046	56.660.323.929	6.674.867.048	406.993.893	104.538.849.916
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.767.393.294	29.016.101.278	3.203.572.934	294.003.893	44.281.071.399
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.825.221.271	47.608.699.109	6.179.092.075	347.133.071	84.960.145.526
Khấu hao trong năm	884.902.686	2.639.852.540	503.414.651	23.079.672	4.051.249.549
Thanh lý	(1.080.562.615)	(3.118.090.170)	(1.926.903.597)	-	(6.125.556.382)
Số cuối năm	30.629.561.342	47.130.461.479	4.755.603.129	370.212.743	82.885.838.693
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	7.064.481.641	11.698.714.990	2.060.967.431	59.860.822	20.884.024.884
Số cuối năm	10.167.103.704	9.529.862.450	1.919.263.919	36.781.150	21.653.011.223

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.563.234.861 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.263.023.840	635.338.081	4.898.361.921
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.607.977.613	-	1.607.977.613
Số cuối năm	5.871.001.453	635.338.081	6.506.339.534
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	450.213.869	297.814.725	748.028.594
Khấu hao trong năm	103.489.842	79.417.260	182.907.102
Số cuối năm	553.703.711	377.231.985	930.935.696
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.812.809.971	337.523.356	4.150.333.327
Số cuối năm	5.317.297.742	258.106.096	5.575.403.838

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.693.054.247 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	6.404.000	2.419.754.067	(2.426.158.067)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	968.906.294	4.057.960.499	(3.938.274.318)	(1.050.440)	1.087.542.035
- Công trình xây dựng nhà máy thủy sản tại Đầm Cùng	681.248.162	-	-	-	681.248.162
- Công trình xây dựng đường vào Công ty	185.135.950	2.211.014.001	(2.396.149.951)	-	-
- Công trình xây dựng kho vật tư	102.522.182	640.556.028	(743.078.210)	-	-
- Công trình xây dựng khác	-	1.206.390.470	(799.046.157)	(1.050.440)	406.293.873
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.005.000	-	-	4.005.000
Cộng	975.310.294	6.481.719.566	(6.364.432.385)	(1.050.440)	1.091.547.035

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH MTV Mai Linh NH	1.121.870.050	159.594.764

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Thái Thanh Sơn	-	538.454.400
Công ty TNHH Liên	693.750.230	821.166.955
Xí nghiệp In và Bao bì Duy Nhật	252.262.725	681.443.400
Công ty TNHH MTV Mê Kong Ánh Dương	1.191.485.400	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh An	3.279.937.375	-
Công ty TNHH Gia Huy Năm Căn	653.954.290	-
Công ty TNHH MTV Trung Hiếu Cà Mau	806.844.350	-
Doanh nghiệp tư nhân Thủy sản Hân Hân	700.689.930	-
Các nhà cung cấp khác	3.127.532.616	1.869.376.898
Cộng	<u>11.828.326.966</u>	<u>4.070.036.417</u>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hồng Quang	60.381.000	-
Follow Food GMBH	276.395.625	253.068.750
Wai Fung Holdings Ltd	221.926.860	219.583.440
Cộng	<u>558.703.485</u>	<u>472.652.190</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Điều chỉnh khác (*)</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	637.969.093	310.930.088	-	455.144.034	128.105.029	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.532.331	-	715.285.630	(507.978.613)	(80.950.204)	207.889.144	-
Thuế tài nguyên	1.875.860	-	45.360.188	(43.228.512)	-	4.007.536	-
Tiền thuê đất	-	-	274.772.545	(274.772.545)	-	-	-
Các loại thuế khác	166.725	-	229.631.211	(214.746.182)	-	15.051.754	-
Cộng	<u>83.574.916</u>	<u>637.969.093</u>	<u>1.575.979.662</u>	<u>(1.040.725.852)</u>	<u>374.193.830</u>	<u>355.053.463</u>	<u>-</u>

(*) Điều chỉnh khác bao gồm:

	VND
Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông báo của cơ quan thuế	455.144.034
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập cá nhân sang phải trả khác do các năm trước thu thừa	80.950.204

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm tôm tiêu thụ nội địa	Không phải kê khai, 5%
Dịch vụ	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.056.478.177	18.037.421.557
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.061.843.435	1.757.238.529
- Các khoản điều chỉnh giảm	(73.589.891)	-
Thu nhập chịu thuế	5.044.731.721	19.794.660.086
Thu nhập được miễn thuế	(4.404.206.577)	(19.495.850.736)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	640.525.144	298.809.350
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	128.105.029	65.738.057
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	182.825.059	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	310.930.088	65.738.057

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức giá theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người lao động	4.170.038.191	7.135.379.557
Cộng	4.170.038.191	7.135.379.557

Lương tháng 12 và tháng 13 năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	66.780.689	18.802.905
Chi phí tư vấn và hoa hồng	239.402.497	231.538.338
Chi phí kiểm hàng	-	129.504.000
Chi phí dự án tôm sinh thái	-	304.260.970
Chi phí khác	47.501.580	235.410.761
Cộng	353.684.766	919.516.974

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	55.078.776	224.737.910
Bảo hiểm y tế	84.742.698	87.139.915
Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.332.556
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Cổ tức phải trả	2.631.266.116	2.100.182.116
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.438.090.077	1.863.173.801
Cộng	4.359.177.667	4.432.566.298

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	98.383.220.000	46.938.690.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	58.127.250.000	42.429.690.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	29.975.425.000	4.509.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.482.720.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau ^(iv)	797.825.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	245.662.000
Cộng	98.383.220.000	47.184.352.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh và chế biến thủy sản với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem thuyết minh số V.8 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động kinh doanh chế biến, xuất khẩu tôm đông lạnh với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9) và hàng tồn kho luân chuyển và khoản phải thu bình quân với giá trị là 88 tỷ VND.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến tôm xuất khẩu với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu với giá trị là 50 tỷ VND.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	46.938.690.000	651.998.566.965	885.243.000	(601.439.279.965)	98.383.220.000
Vay dài hạn đến hạn trả	245.662.000	-	-	(245.662.000)	-
Cộng	47.184.352.000	651.998.566.965	885.243.000	(601.684.941.965)	98.383.220.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	40.266.300	1.800.349.725	(465.042.776)	1.375.573.249
Quỹ phúc lợi	104.402.453	360.069.945	(282.487.000)	181.985.398
Cộng	144.668.753	2.160.419.670	(747.529.776)	1.557.558.647

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	25.392.170.000	25.392.170.000
Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Nuôi trồng Thủy sản	2.816.210.000	2.816.210.000
Các cổ đông khác	16.791.620.000	16.791.620.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	4.900	4.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.900	4.900
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.995.100	4.995.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.995.100	4.995.100
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	1.800.349.725
• Trích quỹ phúc lợi (02% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	360.069.945
• Trích Quỹ đầu tư phát triển sản xuất (15% lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	2.700.524.588
• Thương Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận (10% phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối) :	300.349.725
• Chia cổ tức năm 2015 (18%/mệnh giá) :	8.991.180.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức	8.460.096.000	6.784.437.000
Cộng	8.460.096.000	6.784.437.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	231.067.634	194.694.217
Trên 01 năm đến 05 năm	924.270.536	778.776.868
Trên 05 năm	3.026.986.005	2.939.882.677
Cộng	4.182.324.175	3.913.353.762

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 30 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau công bố.

20b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	668.527,92	548.598,75

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	32.911.854	-
Doanh thu bán thành phẩm	877.595.579.116	690.227.314.199
Cộng	<u>877.628.490.970</u>	<u>690.227.314.199</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần		
Bán thành phẩm	25.208.179.200	4.627.022.400

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.878.396	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	848.409.293.450	638.568.431.227
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.412.584.775)	(10.506.092.692)
Cộng	<u>842.029.587.071</u>	<u>628.062.338.535</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.429.484	38.346.947
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.149.965.309	3.708.274.191
Cộng	<u>3.178.394.793</u>	<u>3.746.621.138</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.841.444.448	3.021.236.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	843.490.192	356.567.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.586.500.837	5.177.212.518
Cộng	<u>5.271.435.477</u>	<u>8.555.016.689</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.008.196.338	1.953.130.423
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	305.088.226	436.970.168
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.664.545	820.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.663.696	521.448.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.287.247.376	14.520.035.420
Chi phí khác	7.540.896.837	6.420.929.828
Cộng	<u>25.615.757.018</u>	<u>23.853.333.842</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên (*)	942.714.060	7.897.771.084
Chi phí vật liệu quản lý	389.692.587	1.963.185.367
Chi phí công cụ văn phòng	300.376.982	485.334.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	425.130.172	304.779.634
Thuế, phí và lệ phí	311.982.535	912.065.546
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	47.669.000	(32.608.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	726.979.995	1.079.667.348
Chi phí khác	2.519.139.526	3.201.354.431
Cộng	<u>5.663.684.857</u>	<u>15.811.549.561</u>

(*) Trong đó:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập quỹ tiền lương dự phòng năm 2014	-	(2.888.767.992)
Trích lập quỹ tiền lương dự phòng năm 2015	-	4.762.855.967
Hoàn nhập quỹ tiền lương dự phòng năm 2015	(2.440.112.251)	-
Chi phí lương cho nhân viên trong năm	3.382.826.311	6.023.683.109
Cộng	<u>942.714.060</u>	<u>7.897.771.084</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	212.548.249	27.272.727
Thu nhượng bán cải tạo sân phơi dầu vỏ tôm	-	72.727.273
Thu cho thuê	92.136.364	67.609.091
Thu phí vệ sinh, tiền điện	134.955.598	111.925.282
Thu khoán vuông tôm	181.818.182	90.909.090
Thu bán phế liệu	117.349.819	111.460.680
Xử lý thừa kiểm kê	1.089.909.331	-
Thu nhập khác	134.911.083	6.414.283
Cộng	<u>1.963.628.626</u>	<u>488.318.426</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	138.122.289	17.787.704

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao đất không sử dụng	87.755.748	87.755.748
Chi hỗ trợ	-	27.000.000
Chi phí điện	10.172.584	10.050.127
Xử lý thiếu kiểm kê	772.241.286	-
Chi phí khác	125.279.882	-
Cộng	<u>1.133.571.789</u>	<u>142.593.579</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(31.813.751)
Cộng	<u>-</u>	<u>(31.813.751)</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.745.548.089	18.003.497.251
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(329.465.771)	(2.160.419.670)
- Trích thưởng Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(300.349.725)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.416.082.318	15.542.727.856
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.995.100	4.995.100
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>484</u>	<u>3.112</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.995.100	4.995.100
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.995.100</u>	<u>4.995.100</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Việc tính toán này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 3.002 VND lên 3.112 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	801.618.644.947	575.060.640.620
Chi phí nhân công	34.826.215.654	32.649.590.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.234.156.651	4.314.299.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.348.945.594	21.944.589.088
Chi phí khác	10.797.510.495	11.638.431.002
Cộng	878.825.473.341	645.607.551.134

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và thưởng	1.442.636.500	1.522.721.000
Thù lao và phụ cấp	588.000.000	588.000.000
Cộng	2.030.636.500	2.110.721.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ có phát sinh giao dịch với Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần về chia cổ tức với số tiền là 4.570.590.600 VND (năm trước là 3.554.903.800 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động thủy sản. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán nước đá, nước đóng chai (doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	63.692.095.887	58.968.998.927
Nước ngoài	813.936.395.083	631.258.315.272
Cộng	<u>877.628.490.970</u>	<u>690.227.314.199</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.579.954.564	-	-	-	20.579.954.564
Phải thu khách hàng	47.470.221.518	-	-	89.375.000	47.559.596.518
Các khoản phải thu khác	375.000.124	-	-	117.669.000	492.669.124
Cộng	68.425.176.206	-	-	207.044.000	68.632.220.206
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.218.180.727	-	-	-	13.218.180.727
Phải thu khách hàng	26.589.261.792	-	-	89.375.000	26.678.636.792
Các khoản phải thu khác	158.040.617	-	-	70.000.000	228.040.617
Cộng	39.965.483.136	-	-	159.375.000	40.124.858.136

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	11.828.326.966	-	-	11.828.326.966
Vay và nợ	98.383.220.000	-	-	98.383.220.000
Các khoản phải trả khác	4.573.040.959	-	-	4.573.040.959
Cộng	114.784.587.925	-	-	114.784.587.925

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Phải trả người bán	4.070.036.417	-	-	4.070.036.417
Vay và nợ	47.184.352.000	-	-	47.184.352.000
Các khoản phải trả khác	5.032.872.891	-	-	5.032.872.891
Cộng	56.287.261.308	-	-	56.287.261.308

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm (USD)	Số đầu năm (USD)
Tiền và các khoản tương đương tiền	668.527,92	548.598,75
Phải thu khách hàng	1.952.560,42	643.272,00
Vay và nợ	(4.316.000,00)	(2.082.000,00)
Các khoản phải trả khác	(51.866,02)	(72.591,51)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.746.777,68)	(962.720,76)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 793.561.100 VND (năm trước giảm/tăng 431.876.533 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 4.316.000 USD (số đầu năm là 2.082.000 USD).

Tại ngày kết năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 980.379.400 VND (năm trước giảm/tăng 466.992.600 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển hợp tác vùng nuôi tôm để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 47.559.596.518 VND (số đầu năm là 0 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.579.954.564	-	13.218.180.727	-	20.579.954.564	13.218.180.727
Phải thu khách hàng	47.559.596.518	(89.375.000)	26.678.636.792	(89.375.000)	47.470.221.518	26.589.261.792
Các khoản phải thu khác	492.669.124	(117.669.000)	228.040.617	(70.000.000)	375.000.124	158.040.617
Cộng	<u>68.632.220.206</u>	<u>(207.044.000)</u>	<u>40.124.858.136</u>	<u>(159.375.000)</u>	<u>68.425.176.206</u>	<u>39.965.483.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: khu vực 1, nhóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	11.828.326.966	4.070.036.417	11.828.326.966	4.070.036.417
Vay và nợ	98.383.220.000	47.184.352.000	98.383.220.000	47.184.352.000
Các khoản phải trả khác	4.573.040.959	5.032.872.891	4.573.040.959	5.032.872.891
Cộng	114.784.587.925	56.287.261.308	114.784.587.925	56.287.261.308

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Lê Thành Đạt
Người lập biểu

Nguyễn Phước An
Kế toán trưởng



Ngô Minh Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

Địa chỉ: Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	11.350.264.284	3.385.224.092	65.128.745.376
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	18.003.497.251	18.003.497.251
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(892.216.073)	(892.216.073)
Chi nộp phạt theo biên bản kiểm tra thuế các năm trước	-	-	-	-	(67.007.938)	(67.007.938)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	11.350.264.284	20.429.497.332	82.173.018.616
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	11.350.264.284	20.429.497.332	82.173.018.616
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	2.745.548.089	2.745.548.089
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(8.991.180.000)	(8.991.180.000)
Trích lập quỹ trong năm nay	-	-	-	2.700.524.588	(4.860.944.258)	(2.160.419.670)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(300.349.725)	(300.349.725)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	442.257.000	(49.000.000)	14.050.788.872	9.022.571.438	73.466.617.310

Đơn vị tính: VND

Cà Mau, ngày 09 tháng 02 năm 2017



Nguyễn Phước An
Kế toán trưởng



Lê Thành Đạt
Người lập

